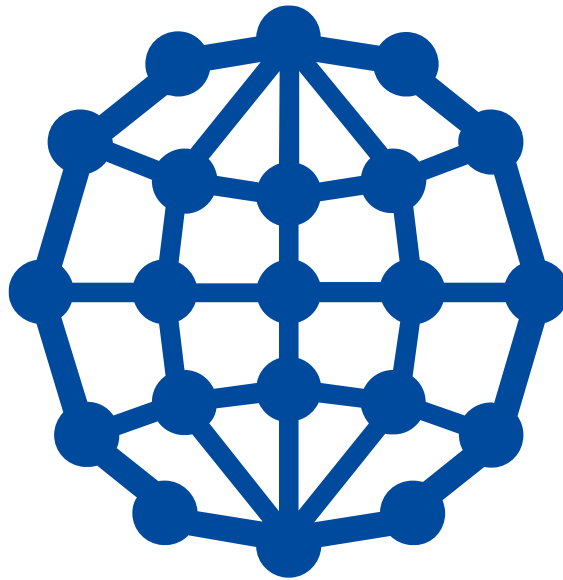


iDAScore™

Tài liệu hướng dẫn sử dụng



Mục lục

1	Giới thiệu	3
1.1	Các quy tắc được sử dụng trong hướng dẫn này	3
1.2	Giới hạn và cảnh báo quan trọng.....	3
1.3	Khuyến nghị chung về an ninh mạng	4
1.4	Mục đích của iDAScore.....	4
1.5	Mục đích sử dụng	5
1.6	Chỉ định sử dụng.....	5
1.7	Người dùng dự định.....	5
1.8	Lợi ích lâm sàng	5
1.9	Đề xuất cách xử lý	5
1.10	Các yêu cầu để sử dụng iDAScore	6
2	Vitrolife Technology Hub	6
3	iDAScore – chức năng cơ bản	8
4	Điểm được gán cho phôi	10
5	Chọn phôi	11
5.1	Hình ảnh, video time-lapse và ghi chú	11
6	Hoàn thiện và lập báo cáo	13
7	Ký hiệu và nhãn	17
8	Tiêu hủy chất thải	18
9	Thông tin liên hệ	18

CohortView, CulturePro, EmbryoScope, EmbryoSlide, EmbryoViewer, Guided Annotation, iDAScore và KIDScore là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Tập Đoàn Vitrolife.

©2021 Vitrolife A/S. Bảo lưu mọi bản quyền.

1 Giới thiệu

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này cung cấp thông tin về cách sử dụng iDAScore, được thiết kế để tự động xác định các phôi có cơ hội cấy cao nhất.

Trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này, tất cả các trường hợp nhắc đến “EmbryoScope” đều bao gồm cả lồng áp time-lapse EmbryoScope+, EmbryoScope Flex và EmbryoScope 8. Tất cả các trường hợp nhắc đến “EmbryoSlide” đều bao gồm cả đĩa nuôi cấy EmbryoSlide +, EmbryoSlide + ic8 và EmbryoSlide Flex.

Tất cả màn hình chụp trong tài liệu hướng dẫn này hiển thị phiên bản tiếng Anh của phần mềm. Bản dịch được cung cấp trong văn bản kèm theo khi phù hợp.

1.1 Các quy tắc được sử dụng trong hướng dẫn này

GIỚI HẠN SỬ DỤNG: Các chức năng hoặc thao tác bị hạn chế đối với những người hoặc mục đích nhất định đã xác định hoặc các hạn chế theo quy định PHẢI được tuân thủ khi sử dụng iDAScore.

CẢNH BÁO: Nếu không tuân thủ các hướng dẫn sử dụng, các điều kiện hoặc hành động với máy có thể dẫn đến tạo nên dữ liệu bị lỗi hoặc mất dữ liệu không thể phục hồi được.

THẬN TRỌNG: Thông tin quan trọng cần thiết trước hoặc trong quá trình sử dụng iDAScore.

LƯU Ý: Giải thích hoặc thông tin bổ sung được cung cấp nhằm mục đích làm rõ.

1.2 Giới hạn và cảnh báo quan trọng

Tất cả người dùng iDAScore phải đồng ý đọc và hiểu tài liệu hướng dẫn sử dụng này, tuân thủ các giới hạn sử dụng và đọc các cảnh báo sau đây.

Người dùng cần liên hệ ngay với Vitrolife để báo cáo bất kỳ sự cố và/hoặc thương tích nào xảy ra với bệnh nhân, người vận hành hoặc nhân viên bảo trì do nguyên nhân có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc sử dụng thiết bị và phần cứng liên quan. Bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào xảy ra liên quan đến thiết bị phải được báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền của Quốc Gia Thành Viên nơi người dùng đặt cơ sở.

GIỚI HẠN SỬ DỤNG

- Tất cả các quyền trong iDAScore thuộc về Vitrolife A/S. Việc bạn lắp đặt và sử dụng iDAScore phải tuân theo các điều khoản của thỏa thuận giấy phép người dùng cuối.
- Bạn không được sao chép, điều chỉnh, biên dịch giải mã, đảo ngược thiết kế, tháo rời hoặc chuyển đổi iDAScore hoặc chuyển nhượng, chuyển giao, bán, cho thuê hoặc cho mượn iDAScore cho bất kỳ bên thứ ba nào.

CẢNH BÁO

- iDAScore chỉ định một điểm số cho mỗi phôi. Phôi có điểm số thấp nhất về mặt thống kê sẽ có ít khả năng làm tổ nhất còn phôi có điểm số cao nhất về mặt thống kê sẽ có khả năng làm tổ cao nhất. Người dùng luôn phải đưa ra quyết định về việc chuyển, đông lạnh hoặc tránh (các) phôi nào sau khi đánh giá chất lượng của tất cả các phôi liên quan.

THẬN TRỌNG

- Không được sử dụng iDAScore cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích thiết kế và được cho biết bởi Vitrolife A/S vì việc sử dụng như vậy có thể dẫn đến các quyết định không chính xác của chuyên viên phôi học.

LƯU Ý

- Toàn bộ các tên và dữ liệu điều trị được trình bày trong sách hướng dẫn sử dụng này là không phải của bệnh nhân thật.

1.3 Khuyến nghị chung về an ninh mạng

Người dùng nên và cần thực hiện các biện pháp sau đây để giảm rủi ro an ninh mạng, nhằm đảm bảo thiết bị sẽ hoạt động như được thiết kế trong môi trường người dùng mong muốn:

- Đảm bảo nhân viên được đào tạo đầy đủ về nhận thức an ninh mạng
- Ngăn chặn người dùng trái phép truy cập vật lý vào thiết bị
- Sử dụng mật khẩu mạnh (ít nhất tám ký tự bao gồm cả chữ hoa và chữ thường, số và ít nhất một ký tự đặc biệt).

Khi phát hiện sự cố lỗi hỏng bảo mật mạng hoặc bất kỳ sự kiện bảo mật đáng ngờ nào, người dùng phải nhanh chóng thông báo cho Vitrolife A/S.

1.4 Mục đích của iDAScore

iDAScore được thiết kế để tự động xác định các phôi có cơ hội cấy cao nhất. Nó là một biện pháp hỗ trợ cho việc ra quyết định lâm sàng, và việc đánh giá và quyết định cuối cùng phải được thực hiện bởi một chuyên gia y tế.

iDAScore chỉ định một điểm số cho từng phôi dựa trên một thuật toán dựa trên mạng thần kinh học sâu để dự đoán khả năng sống sót của phôi được nuôi cấy trong hệ thống time-lapse EmbryoScope. Thông tin được sử dụng để tính điểm phôi được nhận từ máy chủ ES server. Máy chủ ES server nhận dữ liệu hình ảnh từ (các) EmbryoScope được kết nối và dữ liệu ghi chú từ phần mềm EmbryoViewer.

THẬN TRỌNG

- iDAScore chỉ định một điểm số cho mỗi phôi trong một đĩa nuôi cấy EmbryoSlide đã chọn. Điểm số KIDScore này chỉ có thể sử dụng để hỗ trợ cho quyết định của chuyên viên phôi học, nhưng không bao giờ thay thế hoàn toàn.

iDAScore được phân loại là loại I theo và tuân thủ các yêu cầu của Quy Định Về Thiết Bị Y Tế (EU) 2017/745.

1.5 Mục đích sử dụng

Thiết bị này đánh giá sự phát triển sớm của phôi thông qua các video time-lapse về phôi thu được để hỗ trợ việc lựa chọn phôi. Thiết bị này chỉ định một điểm số cho từng phôi để xác định các phôi có cơ hội cấy cao nhất. Thiết bị này là một biện pháp hỗ trợ cho việc ra quyết định lâm sàng, và việc đánh giá và quyết định cuối cùng phải được thực hiện bởi chuyên gia y tế.

1.6 Chỉ định sử dụng

iDAScore được sử dụng để đánh giá phôi từ bệnh nhân thụ tinh trong ống nghiệm (IVF). iDAScore phải được sử dụng cùng với hệ thống time-lapse EmbryoScope.

1.7 Người dùng dự định

Các nhà phôi học, nhân viên phòng thí nghiệm khác và nhân viên phòng khám tại các phòng khám IVF.

1.8 Lợi ích lâm sàng

Là một phụ kiện của thiết bị y tế, iDAScore cung cấp lợi ích lâm sàng gián tiếp cho việc cải thiện quá trình ra quyết định bằng cách cung cấp sự hỗ trợ trong việc lựa chọn phôi được cấy trong (các) tử cấy được kết nối với hệ thống.

1.9 Đề xuất cách xử lý

Hiện tại không có bất thường và hạn chế nào đã biết trong iDAScore.

1.10 Các yêu cầu để sử dụng iDAScore

Để có thể sử dụng iDAScore, bạn cần:

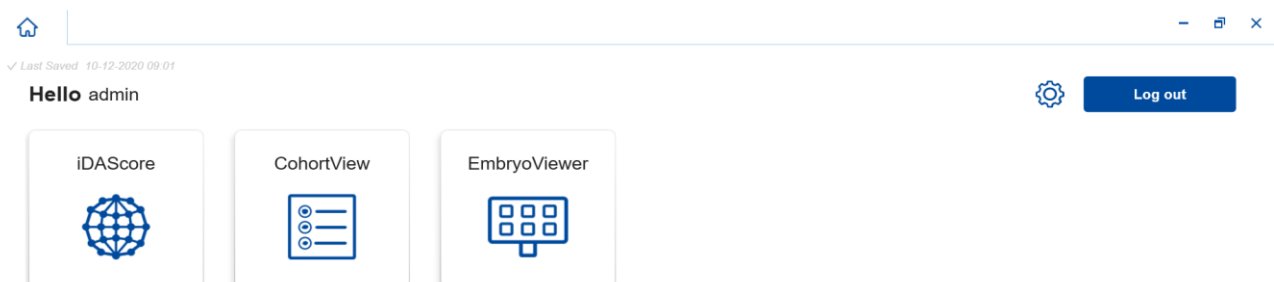
- EmbryoScope
- Phần mềm EmbryoViewer
- Máy chủ ES server có cài đặt một tập tin giấy phép hợp lệ.

Ngoài ra, chất lượng video time-lapse là quan trọng. Bạn phải đảm bảo rằng:

- Phôi đã được bóc tách đúng cách và không có, ví dụ như, tế bào cumulus
- Toàn bộ phôi có thể được nhìn thấy khi bắt đầu đĩa nuôi cấy
- Phôi được đặt vào giữa bề đựng mẫu và rõ nét trong toàn bộ thời gian nuôi cấy
- Không có bọt khí trong giếng nuôi cấy.

2 Vitrolife Technology Hub

Để sử dụng một mô-đun trong Vitrolife Technology Hub, hãy nhấp đúp vào phím tắt desktop Vitrolife Technology Hub hoặc khởi động chương trình từ trình đơn start của Windows. Lúc này bạn sẽ thấy tab trang chủ của Vitrolife Technology Hub với các mô-đun được sử dụng trong phòng khám của bạn.



Nhấp vào một mô-đun để mở nó. Nếu bạn mở nhiều hơn một mô-đun, mỗi mô-đun sẽ mở trên một tab mới. Bạn có thể đóng bất kỳ tab nào đang mở bằng cách nhấp vào dấu X trên tab.

Biểu tượng thiết lập bên cạnh nút **Log out** (Đăng Xuất) cung cấp quyền truy cập vào thiết lập hệ thống và mô-đun.



✓ Last Saved 10-12-2020 09:05

< Dashboard

System Settings

Language

English (United Kingdom) 

Automatic Logout After Inactivity

10

Minutes



Platform Version

1.2.0

Module Settings

iDAScore 

CohortView 

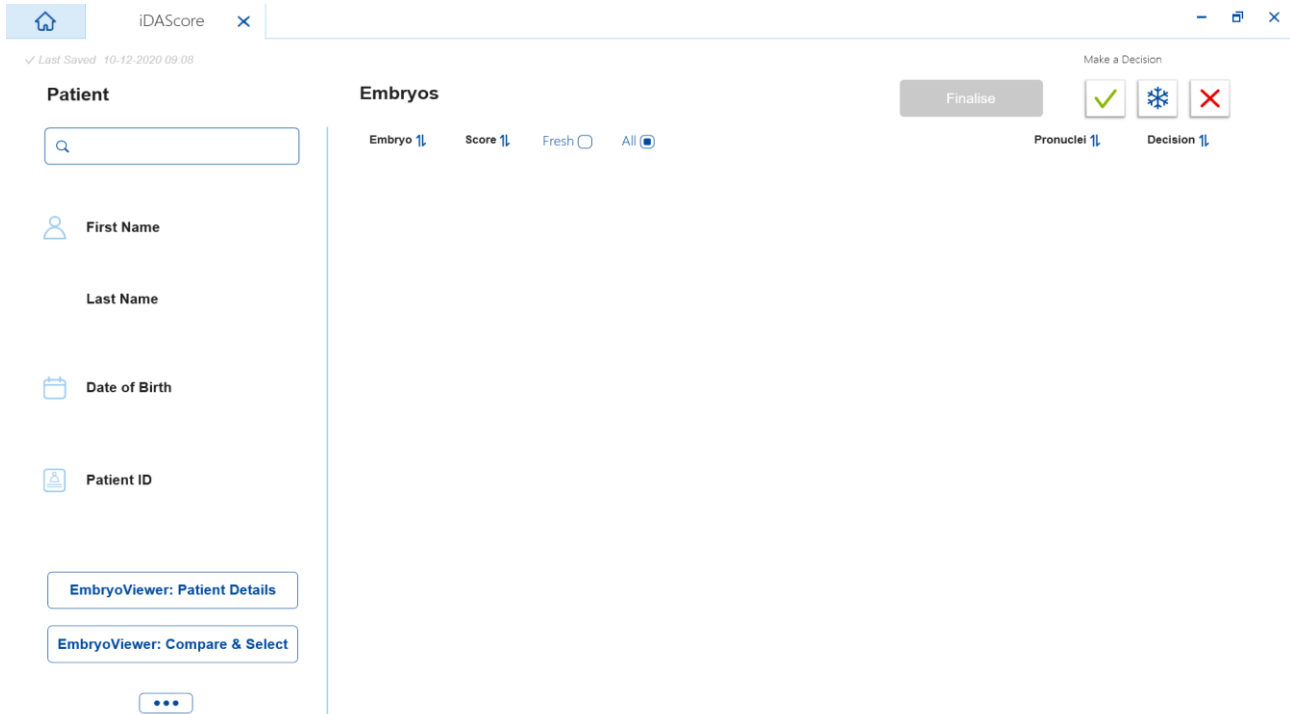
Ở **System Settings** (Thiết Lập Hệ Thống), bạn có thể chọn giữa các ngôn ngữ hiển thị khả dụng trong danh sách xổ xuống **Language** (Ngôn Ngữ), cài đặt khoảng thời gian rồi sau đó người dùng sẽ tự động đăng xuất trong **Automatic Logout After Inactivity** (Tự Động Đăng Xuất Sau Khi Không Có Hoạt Động) và xem phiên bản nền tảng hiện tại ở **Platform Version** (Phiên Bản Nền Tảng).

Trong **Module Settings** (Thiết Lập Mô-đun), bạn có thể xem phiên bản hiện tại và mã UDI (nhận dạng thiết bị duy nhất) của một mô-đun cụ thể. Nhấp vào mũi tên bên cạnh tên mô-đun để mở hoặc đóng thông tin này.

Nhấp vào liên kết **Dashboard** (Bảng Điều Khiển) để trở lại thông tin tổng quan về mô-đun.

3 iDAScore – chức năng cơ bản

Khi bạn mở iDAScore lần đầu tiên, trang mở ra không chứa thông tin.



Nhập tên bệnh nhân, ID bệnh nhân hoặc ID điều trị vào trường tìm kiếm ở bên trái màn hình để tìm kiếm một bệnh nhân hoặc liệu trình điều trị cụ thể.

Các trường **First Name** (Tên), **Last Name** (Họ), **Date of Birth** (Ngày Sinh) và **Patient ID** (ID Bệnh Nhân) được tự động điền bằng thông tin chi tiết của bệnh nhân, và điểm số cho phôi của bệnh nhân được tính toán và hiển thị ở phía bên phải của màn hình. Chọn **Fresh** (Tươi) để xem điểm số chỉ đối với các phôi tươi hoặc **All** (Tất Cả) để xem điểm số đối với cả phôi tươi và đông lạnh. Phôi tươi là phôi đã được thụ tinh trong vòng 10 ngày vừa qua.

The screenshot shows the iDAScore interface. On the left, the 'Patient' section displays details for Sophia Brown - 005, including First Name (Sophia), Last Name (Brown), Date of Birth (01-02-1990), and Patient ID (005). Below this are buttons for 'EmbryoViewer: Patient Details' and 'EmbryoViewer: Compare & Select'. The main 'Embryos' section shows a table of embryos with columns for Embryo ID, Score, Fresh/All status, Pronuclei, and Decision. The table lists embryos AB-1 through AB-10 with their respective scores and decision icons.

Embryo	Score	Fresh	All	Pronuclei	Decision
AB-1	3.7	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
AB-2	2.1	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
AB-3	2.0	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
AB-4	-	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	1 PN!	
AB-5	9.1	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
AB-6	4.5	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
AB-7	7.2	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
AB-8	8.9	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
AB-9	4.0	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
AB-10	1.8	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		

Bạn có thể sắp xếp các phép tính theo ID phôi, điểm số hoặc số tiền nhân (pronuclei). Nếu quyết định về phôi đã được đưa ra (xem phần 5), bạn cũng có thể sắp xếp theo quyết định. Nhấp vào đầu đề liên quan một lần để sắp xếp dữ liệu theo thứ tự giảm dần hoặc hai lần để sắp xếp dữ liệu theo thứ tự tăng dần. Theo mặc định, các phép tính được hiển thị theo ID phôi theo thứ tự tăng dần. Nếu bạn thay đổi cách sắp xếp, chế độ xem sẽ trở lại sắp xếp mặc định vào lần tiếp theo bạn mở dữ liệu của bệnh nhân.

Nếu bạn muốn xem thông tin chi tiết về bệnh nhân và phương pháp điều trị hoặc áp dụng một mô hình tính điểm cho phôi của bệnh nhân, bạn có thể sử dụng hai nút ở góc dưới bên trái của màn hình để trực tiếp đến trang **Patient Details** (Chi Tiết Bệnh Nhân) hoặc **Compare & Select** (So Sánh & Chọn) trong phần mềm EmbryoViewer. Xem tài liệu hướng dẫn sử dụng EmbryoViewer để biết thêm thông tin về các trang này.

[EmbryoViewer: Patient Details](#)

[EmbryoViewer: Compare & Select](#)

Nhấp vào nút có ba dấu chấm ở góc dưới bên trái của màn hình để trực tiếp đến một mô-đun khác trong Vitrolife Technology Hub. Chọn một tùy chọn trên danh sách được hiển thị khi bạn nhấp vào nút đó.



4 Điểm được gán cho phôi

Tất cả các phôi được chỉ định một điểm số từ 1 đến 9,9, và thanh điểm xuất hiện màu xám đậm cho đến khi có một quyết định được đưa ra cho phôi (xem phần 5). Nếu không tính được điểm, thanh điểm sẽ có màu xám nhạt. Đặt con trỏ lên dấu gạch ngang trong cột **Score** (Điểm) để xem thêm chi tiết.



THẬN TRỌNG

- Đĩa nuôi cấy phải được đưa vào tủ cấy không trễ hơn 24 giờ sau khi thụ tinh để tính điểm.
- Không có thông tin nào được hiển thị nếu đĩa nuôi cấy đã chạy dưới 112 giờ.

Phôi có điểm số cao nhất về mặt thống kê sẽ có khả năng làm tổ tốt nhất. Nhà phôi học phải đưa ra quyết định cuối cùng về việc chuyển, đông lạnh hay tránh phôi nào sau khi xem xét cẩn thận từng phôi. Điểm số có thể ủng hộ quyết định đó nhưng không bao giờ thay thế quyết định đó của chuyên viên phôi học.

Nếu phôi không có hai tiền nhân (PN), thì không có điểm nào được hiển thị cho phôi đó, và giá trị PN được hiển thị ở **Pronuclei** với một biểu tượng cảnh báo (!). Bạn có thể thay đổi giá trị PN theo cách thủ công nếu cần (xem phần 5.1).



Nếu không có ước tính PN và giá trị PN chưa được ghi chú hoặc đã được ghi chú là **NA** (Không Áp Dụng), một điểm số được hiển thị cho phôi, và một biểu tượng cảnh báo được hiển thị ở **Pronuclei**. Đặt con trỏ lên biểu tượng cảnh báo để xem thêm chi tiết.



5 Chọn phôi

Khi điểm số của phôi cho một bệnh nhân được hiển thị, bạn có thể sử dụng các nút quyết định ở **Make a Decision** (Quyết Định) để cho biết (những) phôi nào cần chuyển (biểu tượng màu xanh lá), đông lạnh (biểu tượng màu xanh lam) hoặc tránh (biểu tượng màu đỏ). Nút quyết định có biểu tượng màu xanh lá dùng để chọn cả phôi tươi và phôi đông lạnh để chuyển. Nếu bạn nhấp vào một trong các nút, biểu tượng tương ứng sẽ theo sau con trỏ, và một hộp kiểm xuất hiện ở **Decision** (Quyết Định) cho tất cả các phôi. Nhấp vào hộp kiểm cho tất cả các phôi mà bạn muốn áp dụng quyết định. Nhấp lại vào cùng nút quyết định đó để đưa con trỏ trở lại trạng thái sử dụng bình thường, hoặc nhấp vào một trong các nút quyết định khác để áp dụng một quyết định khác cho một hoặc nhiều phôi.

Nếu bạn muốn hoàn tác một quyết định, hãy nhấp vào nút quyết định liên quan và sau đó nhấp vào hộp kiểm cho phôi liên quan. Thao tác này sẽ xóa hộp kiểm.

Khi bạn áp dụng một quyết định cho phôi, thanh điểm của phôi sẽ thay đổi màu sắc theo đó. Đối với các phôi được chọn để chuyển tươi, thanh điểm chuyển sang màu xanh lá. Đối với các phôi được chọn để đông lạnh, nó chuyển sang màu xanh lam, và đối với những phôi đông lạnh được chọn để chuyển, nó chuyển sang màu đỏ tía. Đối với các phôi được đánh dấu để tránh, toàn bộ hàng bị làm mờ.

Make a Decision

Embryos

Embryo Score Fresh All

Finalise

Pronuclei Decision

AB-5	9.1	<div style="width: 80%; height: 10px; background-color: #4CAF50;"></div>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
AB-7	7.2	<div style="width: 40%; height: 10px; background-color: #2196F3;"></div>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
AB-8	8.9	<div style="width: 70%; height: 10px; background-color: #9C27B0;"></div>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
AB-9	4.0	<div style="width: 20%; height: 10px; background-color: #ccc;"></div>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

5.1 Hình ảnh, video time-lapse và ghi chú

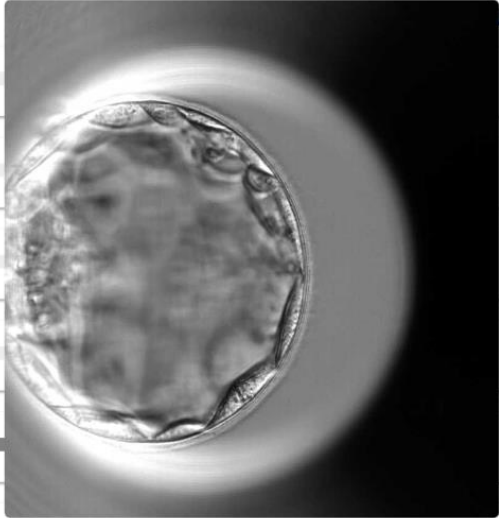
iDAScore cho phép bạn xem hình ảnh phôi và video time-lapse để hỗ trợ quyết định của bạn. Để xem hình ảnh cuối cùng được chụp về một phôi, hãy đặt con trỏ lên biểu tượng con mắt mà không nhấp vào biểu tượng.

AB-5	9.1	<div style="width: 80%; height: 10px; background-color: #ccc;"></div>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
------	-----	---	--------------------------	--------------------------	--------------------------

Bất kỳ nhận xét nào được thêm vào đều được hiển thị bên cạnh hình ảnh.

Embryo Comment AB-5

AB-2	2.1	<div style="width: 20%;"></div>	
AB-3	2.0	<div style="width: 20%;"></div>	
AB-4	-	<div style="width: 0%;"></div>	
AB-5	9.1	<div style="width: 90%;"></div>	
AB-6	4.5	<div style="width: 45%;"></div>	



Decision 1

>
>

>
>

>
>

>
>

>
>

Nếu bạn muốn xem thêm chi tiết về phôi, hãy nhấp vào biểu tượng mũi tên.

AB-5

|

9.1

>

>

Thao tác này mở ra một trang mới với thông tin và tùy chọn bổ sung.

iDAScore
117.3h

Patient Overview

First Name: Sophia
Last Name: Brown

Date of Birth: 01-02-1990
Patient ID: 005

AB-5

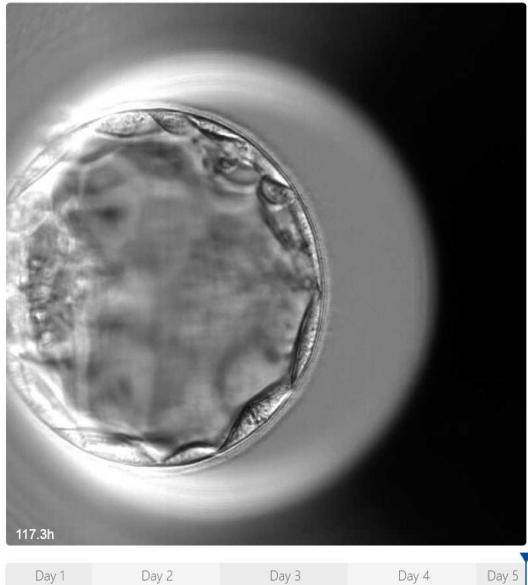
Treatment: X9X92020

Score: 9.1
PN: 2

Comment

Make a Decision

[EmbryoViewer: Annotation](#)



Ở phía bên trái của trang, bạn có thể xem thông tin chi tiết về bệnh nhân và điểm số từ trang trước. Bạn cũng có thể xem phôi thuộc liệu trình điều trị nào và số lượng tiền nhân (PN). Một biểu tượng cảnh báo (!) được hiển thị kế bên trường **PN** nếu không có ước tính PN nào và số lượng nhân non chưa được ghi chú. Nếu bạn muốn thay đổi số lượng tiền nhân, bạn có thể làm như vậy trực tiếp trong trường **PN**. Sự thay đổi đó sẽ được tự động phản ánh trong phần mềm EmbryoViewer. Trong trường **Comment** (Nhận Xét) dưới thông tin này, bạn có thể nhập nhận xét nếu phù hợp. Các nút quyết định được tìm thấy trên trang trước đó cũng khả dụng ở đây.

Nếu bạn muốn thực hiện ghi chú hoặc xem bất kỳ ghi chú hiện hữu nào trong phần mềm EmbryoViewer, hãy nhấp vào nút **EmbryoViewer: Annotation** (Ghi Chú) để trực tiếp đến trang **Annotate** (Ghi Chú) trong phần mềm EmbryoViewer. Xem tài liệu hướng dẫn sử dụng EmbryoViewer để biết thêm thông tin về ghi chú. Nhấp vào nút **IDA** trong phần mềm EmbryoViewer để trở lại iDAScore.

Ở phía bên phải của trang, bạn có thể phát video time-lapse về phôi. Sử dụng các nút phát lại bên dưới video để phát hoặc tạm dừng video (nút giữa) hoặc để di chuyển trở lại một hình ảnh (nút trái) hoặc tới trước (nút phải). Bạn cũng có thể kéo thanh trượt hoặc nhấp vào bất kỳ đâu trên thanh ngang ngay dưới video để đến một thời điểm cụ thể. Nếu bạn thích sử dụng bàn phím hơn, hãy nhấn vào mũi tên trái hoặc phải để di chuyển lần lượt trở lại hoặc tới trước một hình ảnh. Tính năng này rất hữu ích nếu bạn muốn kiểm tra các chi tiết cụ thể. Nhấn và giữ các mũi tên để phát video tua lại hoặc tua nhanh ở tốc độ cao, hoặc nhấn phím cách để bắt đầu hoặc dừng video vào bất kỳ lúc nào.

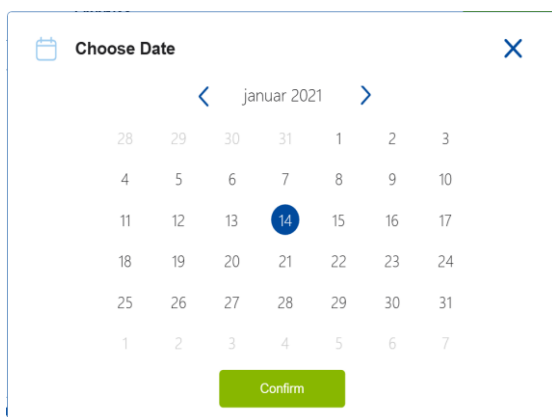
2 thanh trượt bên cạnh các nút phát lại có thể được sử dụng để điều chỉnh độ sáng (thanh trượt trên) và độ tương phản (thanh trượt dưới) của video.

Để thay đổi trường lực, hãy kéo thanh trượt hoặc nhấp vào bất kỳ đâu trên thanh dọc ở bên phải video. Hoặc, sử dụng các nút mũi tên lên và xuống trên bàn phím.


Khi bạn đã xem xét chi tiết về phôi, hãy nhấp vào liên kết **Patient Overview** (Tổng Quan về Bệnh Nhân) để quay lại trang tổng quan. Bất kỳ thay đổi hoặc nhận xét đều được lưu tự động.

6 Hoàn thiện và lập báo cáo




Khi bạn đã đưa ra quyết định cho tất cả các phôi liên quan, hãy nhấp vào nút **Finalise** (Hoàn Thiện). Lúc này bạn sẽ được nhắc chọn một ngày. Chọn một ngày trên lịch được hiển thị và nhấp vào **Confirm** (Xác Nhận).



Một báo cáo quyết định về phôi của tất cả các phôi mà bạn đã đưa ra quyết định sẽ được hiển thị. Trên trang đầu tiên của báo cáo này, bạn có thể xem có bao nhiêu phôi được chọn để chuyển tươi, để đông lạnh, để chuyển phôi đông lạnh (FET) hoặc tránh.

14-01-2021


Embryo Decision Report

 **First Name** Sophia **Last Name** Brown  **Date of Birth** 01-02-1990  **Patient ID** 005


Summary


Decision Date 14-01-2021


Decision	Number
<input checked="" type="radio"/> Transfer	1
<input checked="" type="radio"/> Freeze	5
<input type="radio"/> FET	0
<input type="radio"/> Avoid	9


Close Save 


(Các) trang tiếp theo chứa thông tin chi tiết về các phôi đã hoàn thiện và đĩa nuôi cấy và dụng cụ trong đó chúng được áp. Một trang sẽ được lập cho mỗi đĩa nuôi cấy có chứa phôi đã hoàn thiện. Hình minh họa cho thấy bề chứa mẫu nào trong đĩa nuôi cấy chứa phôi được chọn để chuyển (xanh lá), phôi được chọn để đông lạnh (xanh lam) và phôi được đánh dấu là cần tránh (xám).


14-01-2021

 **First Name**
Sophia

 **Last Name**
Brown

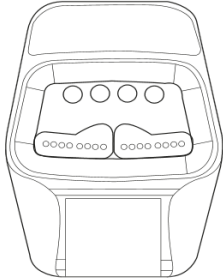
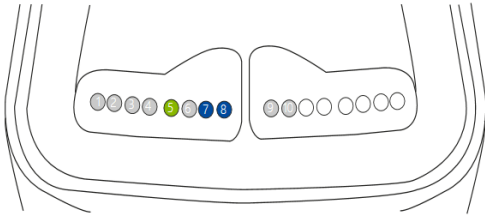
 **Date of Birth**
01-02-1990


 **Patient ID**
005


Culture Dish AB


Treatment X9X92020 **Dish ID** D2000.01.01_S10006_I0002_P **Instrument** ES+ 0002 **Hours Past Insemination** 117.4


Embryo	Score	Decision
AB-5	9.1	● Transfer
AB-7	7.2	● Freeze
AB-8	8.9	● Freeze






14-01-2021

 **First Name**
Sophia

 **Last Name**
Brown

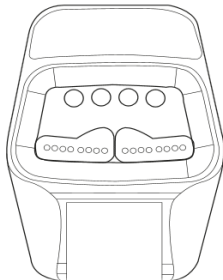
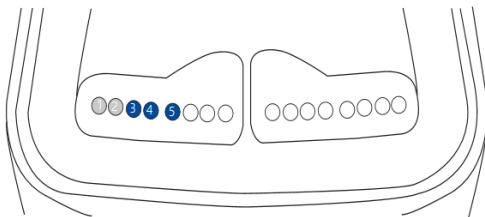
 **Date of Birth**
01-02-1990

 **Patient ID**
005


Culture Dish AA


Treatment Y2Y22020 **Dish ID** D2000.01.01_S10005_I0001_P **Instrument** ES+ 0001 **Hours Past Insemination** 120.8

Embryo	Score	Decision
AA-3	9.2	● Freeze
AA-4	9.4	● Freeze
AA-5	5.8	● Freeze






Trên trang cuối cùng của báo cáo, tất cả các phôi được đánh dấu là cần tránh đều được liệt kê cùng với liệu trình điều trị, ID đĩa nuôi cấy và số giếng nuôi cấy.


14-01-2021

 **First Name**
Sophia

Last Name
Brown

 **Date of Birth**
01-02-1990


 **Patient ID**
005

Avoid

Treatment	Dish ID	Well
X9X9_2020	D2000.01.01_S10006_I0002_P	1
X9X9_2020	D2000.01.01_S10006_I0002_P	2
X9X9_2020	D2000.01.01_S10006_I0002_P	3
X9X9_2020	D2000.01.01_S10006_I0002_P	4
X9X9_2020	D2000.01.01_S10006_I0002_P	6
X9X9_2020	D2000.01.01_S10006_I0002_P	9
X9X9_2020	D2000.01.01_S10006_I0002_P	10
Y2V2_2020	D2000.01.01_S10005_I0001_P	1
Y2V2_2020	D2000.01.01_S10005_I0001_P	2

[Close](#)

[Save](#)






Nhấp vào **Close** (Đóng) để đóng báo cáo mà không lưu, hoặc nhấp vào **Save** (Lưu) để lưu báo cáo ở định dạng PDF vào một địa điểm bạn chọn. Nhấp vào biểu tượng máy in nếu bạn muốn in báo cáo.

Sau khi bạn hoàn thiện quyết định của mình, tất cả các phôi được chọn để chuyển hoặc được đánh dấu là cần tránh sẽ không còn được hiển thị nữa. Lúc này chỉ có những phôi đông lạnh và phôi chưa có quyết định mới được hiển thị, và chế độ xem tự động chuyển thành **All** (Tất Cả). Nếu bệnh nhân có phôi đông lạnh từ các lần điều trị trước đây, chúng cũng sẽ được hiển thị.

The screenshot shows the iDAScore interface. On the left, the 'Patient' section displays details for Sophia Brown - 005, including her first name, last name, date of birth (01-02-1990), and patient ID (005). The main area is titled 'Embryos' and lists five embryos with their scores and decision status:

Embryo	Score	Fresh	All	Pronuclei	Decision
AB-7	7.2	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
AB-8	8.9	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
AA-3	9.2	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
AA-4	9.4	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
AA-5	5.8	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

7 Ký hiệu và nhãn

Nhãn	Mô tả	Lưu ý
	Tuyên bố của nhà sản xuất rằng thiết bị đáp ứng tất cả các yêu cầu hiện hành của Quy định dành cho Thiết bị Y tế (EU) 2017/745	-
	Thiết bị y tế	-
	Tên và địa chỉ của nhà sản xuất	Xem mục 9.

8 Tiêu hủy chất thải

Để giảm thiểu bức xạ thải từ thiết bị điện và điện tử, phải tiêu hủy chất thải theo Chỉ thị 2012/19/EU về Chất thải từ Thiết bị Điện và Điện tử (WEEE) đã được sửa đổi bởi Chỉ thị (EU) 2018/849. Bao gồm: Bảng mạch in (PCB) (HASL không chứa chì), công tắc, pin máy tính, bảng mạch in và dây cáp điện bên ngoài. Tất cả các bộ phận đều tuân thủ Chỉ thị 2011/65/EU của RoHS 2, trong đó quy định rằng các bộ phận điện và điện tử mới không được chứa chì, thủy ngân, cadmi, crôm hóa trị 6, polybrominated biphenyl (PBB) hoặc polybrominated diphenyl.

9 Thông tin liên hệ

Bạn cần hỗ trợ khẩn cấp? Hãy gọi cho đường dây nóng dịch vụ của chúng tôi để được hỗ trợ:

+45 7023 0500

(hoạt động 24 giờ mỗi ngày, 7 ngày mỗi tuần)

Hỗ trợ qua e-mail: support.embryoscope@vitrolife.com

(trả lời trong vòng 2 ngày làm việc)



Vitrolife A/S

Jens Juuls Vej 20

DK-8260 Viby J

Đan Mạch

Điện thoại: +45 7221 7900

Website: www.vitrolife.com

Vitrolife

VITROLIFE A/S, ĐAN MẠCH